

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 126/CV-MTH ngày 19/6/2023 của Công ty Cổ phần May Thanh Hóa về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án Khu thương mại tổng hợp tại phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá và Công văn số 124/CV-MTH ngày 16/6/2023 về việc giải trình hoàn thiện chỉnh sửa, bổ sung Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án Khu thương mại tổng hợp tại phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 818/TTr-STNMT ngày 14 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần May Thanh Hóa, địa chỉ tại số 119 đường Tống Duy Tân, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Khu thương mại tổng hợp tại phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án Khu thương mại tổng hợp tại phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

1.2. Địa điểm hoạt động: số 119, đường Tống Duy Tân, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh

nghiệp: 2800786788, đăng ký lần đầu ngày 12/11/2003; đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 09/12/2022 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp.

1.4. Mã số thuế/mã số doanh nghiệp: 2800786788

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Dịch vụ thương mại tổng hợp.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích sử dụng đất 9.449,3 m²;

- Quy mô dự án: Khu lưu trú, thương mại mại (07 tầng + 1 tầng hầm + 1 tum diện tích xây dựng khoảng 1.270 m²), khu dịch vụ ẩm thực (03 tầng + 01 tầng hầm diện tích 2.782 m²), khu dịch vụ thương mại (04 tầng diện tích 956,4 m²), nhà điều hành (02 tầng diện tích 344,5 m²), nhà kỹ thuật (diện tích 50 m²) và các hạng mục công trình phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm các yêu cầu về mùi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần May Thanh Hóa:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần May Thanh Hóa có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô

nhiệm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, mùi, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(từ ngày 28 tháng 7 năm 2023 đến ngày 28 tháng 7 năm 2033).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Thanh Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/cáo);
- Cty cổ phần May Thanh Hóa (để t/hiện);
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND TP Thanh Hóa (để theo dõi);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

1.1. Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Khu lưu trú, thương mại, bao gồm: (i) nước thải đại tiện, tiểu tiện; (ii) nước thải từ nhà bếp; (iii) nước thải tắm, giặt, có lưu lượng lớn nhất là 38,5 m³/ngày.đêm.

1.2. Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Khu dịch vụ ẩm thực, bao gồm: (i) nước thải đại tiện, tiểu tiện; (ii) nước thải từ nhà bếp; (iii) nước rửa tay, chân, có lưu lượng lớn nhất là 19,9 m³/ngày.đêm.

1.3. Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Khu dịch vụ thương mại, bao gồm: (i) nước thải đại tiện, tiểu tiện; (ii) nước rửa tay chân, có lưu lượng lớn nhất là 8,4 m³/ngày.đêm.

1.4. Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Khu nhà điều hành và nhà kỹ thuật, bao gồm: (i) nước thải đại tiện, tiểu tiện; (ii) nước thải từ nhà bếp; (iii) nước thải tắm, giặt giữ có lưu lượng lớn nhất là 1,8 m³/ngày.đêm.

1.5. Nguồn số 05: Nước thải từ quá trình thay nước, thau rửa bể bơi có lưu lượng lớn nhất là 188,2 m³/ngày.đêm (phát sinh không thường xuyên, 01 lần/năm).

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Dòng nước thải số 01: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung chảy ra hệ thống thoát nước chung của khu vực tại phường Lam Sơn phía Đông Bắc dự án, sau đó chảy ra sông Cốc (đoạn chảy qua dự án tại phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

- Dòng nước thải số 02: Nước thải từ quá trình thay nước, thau rửa bể bơi chảy ra mương thoát nước chung của khu vực tại phường Lam Sơn phía Tây dự án, sau đó chảy ra sông Cốc (đoạn chảy qua dự án tại phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa).

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải số 01: Hệ thống thoát nước chung của khu vực tại phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hoá phía Đông Bắc dự án tại vị trí điểm xả ĐX4 (ĐX4 là vị trí điểm xả nước thải theo sơ đồ mặt bằng thoát nước thải công trình).

Toạ độ vị trí xả nước thải (ĐX4): X = 2190568; Y = 581789 (theo toạ độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°).

- Vị trí xả thải số 02: Mương thoát nước chung của khu vực tại phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hoá phía Tây dự án điểm xả thải ĐX1 (ĐX1 là vị trí điểm xả nước thải theo sơ đồ mặt bằng thoát nước mặt công trình).

Toạ độ vị trí xả nước thải (ĐX1): X = 2190586; Y = 581691 (theo toạ độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°).

- Điểm xả nước thải sau hệ thống xử lý phải được lắp đặt biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:

- Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung, có lưu lượng lớn nhất (nguồn số 01,02,03 và số 04) là: 68,6 m³/ngày.đêm.

- Nước thải từ quá trình thay nước, thau rửa bể bơi, có lưu lượng lớn nhất là 188,2 m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả thải:

- Dòng nước thải số 01: Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 80 m³/ngày.đêm được bơm cưỡng bức (sử dụng phao bơm tự động) ra mương thoát nước chung của khu vực phường Lam Sơn phía Đông Bắc dự án tại vị trí điểm xả ĐX4, sau đó chảy ra sông Cốc.

- Dòng nước thải số 02: Nước thải từ quá trình thay nước, thau rửa bể bơi được xả đáy, tự chảy ra mương thoát nước chung của khu vực phường Lam Sơn phía Tây dự án tại vị trí điểm xả ĐX1, sau đó chảy ra sông Cốc.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

- Dòng nước thải số 01: Gián đoạn.

- Dòng nước thải số 02: Chu kỳ 01 lần/năm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K = 1) Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ (theo quy
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0	

6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ)
7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	10	
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải vệ sinh đại tiện, tiểu tiện hoạt phát sinh từ các nguồn số 01, 02, 03 và số 04 → Đường ống PVC D110 → Bể tự hoại 3 ngăn; (ii) Nước thải từ nhà bếp → Đường ống PVC D90 → Bể tách dầu mỡ; (iii) Nước tắm, giặt → đường ống PVC D42-D90. Toàn bộ các loại nước thải này sau khi xử lý sơ bộ chảy vào đường ống PVC D90 - D110 về hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải từ quá trình thay nước, thau rửa bể bơi chảy → Đường ống PVC D90 → Mương thoát nước B300 → Mương thoát nước chung của khu vực phường Lam Sơn phía Tây dự án tại vị trí điểm xả ĐX1.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

* Công trình thiết bị xử lý sơ bộ:

- Khu lưu trữ, thương mại: 02 bể tự hoại (thể tích $30 \text{ m}^3/\text{bể}$) xử lý sơ bộ nước thải đại tiện, tiểu tiện; Bể tách dầu mỡ (thể tích 5 m^3) xử lý sơ bộ nước thải từ nhà bếp.

- Khu dịch vụ ẩm thực: 03 bể tự hoại (thể tích $30 \text{ m}^3/\text{bể}$) xử lý sơ bộ nước thải đại tiện, tiểu tiện; 01 bể tách dầu mỡ (thể tích 3 m^3) xử lý sơ bộ nước thải từ nhà bếp.

- Khu dịch vụ thương mại: 01 bể tự hoại (thể tích $50 \text{ m}^3/\text{bể}$) xử lý nước thải đại tiện, tiểu tiện.

- Khu nhà điều hành và nhà kỹ thuật: 1 bể tự hoại (thể tích $10 \text{ m}^3/\text{bể}$) xử lý sơ bộ nước thải đại tiện, tiểu tiện; 01 bể tách dầu mỡ (thể tích 1 m^3) xử lý sơ bộ nước thải từ nhà bếp.

* Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung: Ngăn điều hòa → Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí → Ngăn lắng sinh học → Ngăn khử trùng → Hệ thống thoát nước chung của khu vực tại phường Lam Sơn phía Đông Bắc dự án tại vị trí điểm xả ĐX4, sau đó chảy ra sông Cốc.

- Công suất thiết kế: $80 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Hóa chất sử dụng: Clorine dạng viên nén TCCA (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành.

- Thực hiện kiểm tra một số thông số nước thải sau xử lý để giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

- Xây dựng bể sự cố có thể tích khoảng 80 m³ đảm bảo chứa toàn bộ nước thải phát sinh trong 1 ngày để kịp thời sửa chữa hệ thống xử lý nước thải của dự án.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom bảo đảm hoạt động ổn định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải (quy định tại Khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (dự kiến từ tháng 1/2025 - 3/2025).

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 80 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại ngăn khử trùng của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.3.3. Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.3.3 phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải bảo đảm không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này và ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Lắp đặt đầy đủ biển báo, ký hiệu chỉ dẫn đối với điểm xả thải nước thải sau hệ thống xử lý ra môi trường; lắp đặt công tơ điện, đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.5. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ và lượng hóa chất sử dụng,...)/.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn phát sinh khí thải số 01: Khí thải từ máy phát điện dự phòng của dự án (hoạt động không thường xuyên, chỉ xả thải khi vận hành máy phát điện dự phòng).

Nguồn phát sinh khí thải số 02: Khí thải, mùi tại khu vực hệ thống xử lý nước thải; khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

2. Dòng khí thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tại ống thải của máy phát điện dự phòng nằm trong khuôn viên dự án tại số 119, đường Tống Duy Tân, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Toạ độ vị trí xả khí thải: X=2190586; Y=581722 (theo toạ độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiếu 3°).

- Dòng khí thải số 02: Tại khu vực hệ thống xử lý nước thải; khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: Không xác định.

2.2.1. Phương thức xả thải: Dòng khí thải số 01 phát thải không liên tục (Chỉ khi vận hành máy phát điện dự phòng). Dòng khí thải số 02 phát thải khi lưu giữ rác thải và vận hành hệ thống xử lý.

2.2.2. Chất lượng khí thải nguồn số 01 (nhiên liệu sử dụng là dầu DO), chỉ sử dụng gián đoạn trong các trường hợp mất điện, khí thải được xử lý qua hệ thống xử lý đồng bộ của máy phát điện, nhiên liệu dầu DO sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi và khí thải

Khí thải từ máy phát điện dự phòng xả ra môi trường qua ống khói kèm theo máy phát điện.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải

Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng được xử lý qua hệ thống xử lý đồng bộ của máy phát điện trước khi thải ra môi trường.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải (theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Định kỳ hàng năm, thực hiện duy tu, bảo dưỡng thiết bị máy phát điện dự phòng theo quy định của nhà sản xuất.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả khí thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Phát sinh từ máy nén khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 02: Phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung nguồn số 01, số 02: Tại số 119, đường Tổng Duy Tân, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá.
- Tọa độ nguồn số 01: X=2190523; Y=581696 (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°).
- Tọa độ nguồn số 02: X=2190586; Y=581722 (theo tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105° múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Kê đệm cao su tại các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Pin, ắc quy thải	16 01 12	8
2	Bóng đèn huỳnh quang hỏng thải	16 01 06	8
3	Các linh kiện, thiết bị điện tử thải	16 01 13	13
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	55
5	Bao bì mềm có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 01 01	16
6	Bao bì cứng thải bằng nhựa thải chứa hóa chất, dung môi hữu cơ	18 01 03	10
7	Chất thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu mỡ,...)	18 02 01	10
	Tổng		120

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ quá trình nạo vét khơi thông cống rãnh, hút bùn bể tự hoại	3.000
2	Bùn cặn từ hệ thống XLNT tập trung	32.100
	Tổng	35.100

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	193,5

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng lưu chứa CTNH có nắp đậy có dung tích 30 - 200 lít.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 10 m²
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Nằm trong nhà kho tại Khu dịch vụ thương mại có mái che, sàn bê tông và lán vữa xi măng chống thấm, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại định kỳ chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Bùn thải phát sinh từ quá trình xử lý nước thải lưu trong ngăn chứa bùn định kỳ thu gom về điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt (cạnh khu xử lý nước thải tập trung) và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý, tần suất 6 tháng/lần.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt có nắp đậy 500 lít (hàng ngày công nhân vệ sinh thu gom chất thải rắn sinh hoạt 1 lần/ngày về điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt, cạnh khu xử lý nước thải tập trung), hợp đồng với đơn vị có chức năng tới thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật, định kỳ 1 lần/ngày.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Bố trí cạnh khu xử lý nước thải tập trung.
- Thực hiện vệ sinh hàng ngày đảm bảo sạch sẽ và phun khử mùi bằng chế phẩm EM với tần suất 02 lần/tuần.

2.4. Chuyển giao chất thải

Thực hiện quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt theo quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

Chỉ được chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

- Xây dựng bể sự cố có thể tích khoảng 80 m³ đảm bảo chứa toàn bộ nước thải phát sinh trong 1 ngày để kịp thời sửa chữa hệ thống xử lý nước thải của dự án.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường./.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2023
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG.

Không thuộc đối tượng.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Các yêu cầu bảo vệ môi trường chủ dự án phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp giấy phép môi trường.

1.1. Về thu gom và xử lý nước thải

1.1.1. Trong giai đoạn thi công:

a. Đối với nước thải sinh hoạt của công nhân:

- Đối với nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân với lưu lượng 1,12 m³/ngày: thu gom và dẫn về hố lắng có thể tích 9 m³ (hố lắng lót bạt chống thấm thành và đáy) để xử lý nước thải trước khi thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực phía Đông Bắc dự án.

- Đối với nước thải vệ sinh có lưu lượng 1,12 m³/ngày: thu gom bằng 02 nhà vệ sinh di động, kích thước nhà vệ sinh (Dài 180cm, rộng 135 cm, cao 260 cm). Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 2 ngày/lần) đem đi xử lý.

b. Đối với nước thải xây dựng, nước rửa xe:

Đối với nước thải vệ sinh thiết bị, rửa xe có lưu lượng: 4 m³/ngày, thu gom về bể lắng có thể tích 9 m³ được xây dựng bằng cách đào hố (có lót bạt chống thấm thành và đáy), để lắng nước thải trước khi chảy ra tuyến mương thoát nước phía Đông Bắc dự án. Váng dầu được lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý cùng chất thải nguy hại.

Nêu rõ bể lắng này có phải là hố lắng nước thải tắm rửa kia không, thống nhất về tên gọi

c. Đối với nước mưa chảy tràn:

- Quét dọn vệ sinh sau mỗi ngày làm việc hạn chế các chất ô nhiễm bị cuốn theo nước mưa làm ô nhiễm nguồn nước.

- Tạo các rãnh thoát nước tạm thời tại các vị trí trũng thấp để thoát nước, tránh tình trạng ngập úng. Cuối rãnh thoát nước bố trí hố lắng để lắng và loại bỏ đất, cát, rác thải vương vãi...

- Bố trí khu vực sửa chữa bảo dưỡng thiết bị cạnh khu vực rửa xe để sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị tại công trường.

1.1.2. Trong giai đoạn vận hành

- Xây dựng hệ thống thu gom nước thải, hệ thống xử lý nước thải công suất 80 m³/ngày.đêm.

- Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K =1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, trước khi bơm cưỡng bức ra hệ thống thoát nước chung của khu vực phường Lam Sơn phía Đông Bắc dự án.

- Bố trí nguồn kinh phí quản lý, bảo trì, vận hành thường xuyên công trình xử lý nước thải đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường.

- Định kỳ bổ sung chế phẩm vi sinh vào các ngăn phân hủy vi sinh để nâng cao hiệu quả làm sạch công trình xử lý chất thải.

1.2. Về thu gom và xử lý khí thải

1.2.1. Trong giai đoạn thi công

- Phun ẩm tường các công trình phá dỡ và thực hiện tưới ẩm chống bụi trong suốt quá trình phá dỡ. Thực hiện phá dỡ, bốc xúc vận chuyển, đổ thải, chất thải từ phá dỡ nhanh gọn, cuốn chiếu theo từng công trình phá dỡ để giảm bụi bốc bay và hạn chế phạm vi tác động.

- Phun nước tạo độ ẩm, giảm nồng độ bụi phát tán trong khu vực thi công và dọc tuyến đường Quốc lộ 47 xung quanh khu vực dự án về 2 phía. Sử dụng xe ô tô tưới nước có dung tích 5,0m³ làm ẩm trên tuyến đường, tần suất phun nước là 04 lần/ngày.

- Bố trí khu vực rửa xe, để phun nước giảm bụi trước khi ra khỏi khu vực dự án làm bụi đất đá cuốn theo bánh xe ảnh hưởng bụi đến khu dân cư xung quanh khu vực dự án.

- Xây dựng hàng rào tạm bằng tôn cao 3 m, chiều dài 495m bao quanh khu vực thi công để giảm thiểu bụi và tiếng ồn phát sinh ảnh hưởng đến khu dân cư xung quanh.

- Các phương tiện xe, máy thi công kiểm chuẩn và đăng kiểm phù hợp về các thông số vận hành và môi trường nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị có hiệu suất làm việc cao và vận hành hiệu quả.

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe.

- Trong quá trình thi công tránh thi công đồng loạt máy móc, thông báo thời gian thi công cụ thể để người dân biết.

- Lắp đặt lưới chắn bụi xung quanh các công trình nhà ở cao tầng trong quá trình xây dựng; Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, gang tay, kính...theo quy định).

1.2.2. Trong giai đoạn vận hành

- Xây dựng hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo tỷ lệ cây xanh được trồng theo đúng quy hoạch, tăng cường bố trí cây xanh trên vỉa hè dọc các tuyến đường với tổng diện tích cây xanh của dự án là 1.200 m².

- Bố trí nguồn kinh phí quản lý, bảo trì hạ tầng kỹ thuật; phối hợp với chính quyền địa phương xây dựng và thực hiện các hương ước, quy ước về vệ sinh môi trường khu dân cư. Vận động người dân thực hiện nếp sống văn minh, giữ gìn vệ sinh môi trường xanh- sạch - đẹp. Kiểm tra hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

- Bố trí nhân công thường xuyên quét dọn, vệ sinh, tưới ẩm chống bụi sân đường nội bộ khu vực dự án.

- Hàng ngày vệ sinh khu vực lưu chứa rác thải tạm thời, đến khi xe vận chuyển rác đến thu gom, vận chuyển. Định kỳ hàng tuần sử dụng chế phẩm EM phun khử mùi khu vực lưu chứa tạm rác thải tạm thời và khu xử lý nước thải của dự án.

- Phối hợp cùng chính quyền địa phương xây dựng các quy định để đảm bảo môi trường khu vực dự án.

1.3. Về thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

1.3.1. Trong giai đoạn thi công

Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị 03 thùng dung tích 100 lít/thùng đặt tại khu lán trại để phân loại và lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý với tần suất 1 lần/ngày.

Đối với chất thải rắn xây dựng:

+ Các loại chất thải từ bê tông vụn, đơn vị thi công hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển, đem đi xử lý theo quy định, trước khi phá dỡ các công trình;

+ Đối với chất thải từ phá dỡ công trình cũ vận chuyển đổ thải tại khu vực thi công dự án Trường mầm non và liên cấp Nobel School Thiệu Hoá, tại thị trấn Thiệu Hoá, huyện Thiệu Hoá (theo Biên bản thống nhất đổ thải).

+ Đối với vật liệu là đá, cát, gạch, bê tông rơi vãi: thực hiện thu gom và san lấp mặt bằng khu vực dự án.

+ Đối với sắt, thép thừa, bao bì xi măng...thu gom tập trung về khu vực lán trại công nhân để tái sử dụng hoặc bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu.

1.3.2. Trong giai đoạn vận hành

- Bố trí điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt tạm thời (cạnh khu HTXL nước thải tập trung phía Đông Bắc của dự án): Nhân viên thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt vào 03 thùng lưu giữ, thể tích 500 lít, hàng ngày công nhân vệ sinh thu gom về điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt tạm thời.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý (định kỳ 1 lần/ngày); phun chế phẩm EM với tần suất 01 lần/ngày để giảm thiểu mùi hôi phát sinh ra môi trường xung quanh.

1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

1.4.1. Trong giai đoạn thi công

Các loại chất thải nguy hại được thu gom và lưu trữ trong thùng chứa chất thải 120 lít có nắp đậy kín, được quây kín, có mái che, nền cao tránh nước mưa, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi, phát tán ra môi trường. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

1.4.2. Trong giai đoạn vận hành

- Bố trí 06 thùng chứa chất thải 30 lít/thùng để thu gom chất thải rắn nguy hại và 1 thùng chứa dung tích 200 lít/thùng trong khu vực lưu chứa CTNH có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi, phát tán ra môi trường. Chất thải nguy hại được định kì chuyển giao cho đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Khu vực lưu chứa CTNH diện tích 10 m² đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tại khu vực lưu chứa CTNH có các thiết bị ứng phó sự cố môi trường, phòng cháy, chữa cháy.

1.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác:

1.5.1. Trong giai đoạn thi công:

- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc có tiếng ồn, độ rung cao như: máy hàn, cắt,... Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì chúng sẽ gây ra ô nhiễm tiếng ồn rất lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công.

- Quy định tốc độ của xe và máy móc khi hoạt động trong khu vực thực hiện dự án.

- Các phương tiện vận chuyển hạn chế dừng còi trong khu đông người.

- Các xe vận chuyển nguyên liệu cho dự án không vận chuyển quá tải tránh ảnh hưởng đến tuyến đường; Che chắn xung quanh khu vực công trường.

- Phối hợp với địa phương về việc khai báo tạm trú, tạm vắng của cán bộ, công nhân viên tham gia thi công dự án.

1.5.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- Thường xuyên bảo dưỡng bôi trơn động cơ để tránh hiện tượng động cơ của máy móc thiết bị bị khô dầu khi vận hành gây ra những tiếng ồn khó chịu.

- Lắp đặt đệm chống rung bằng cao su tại chân đế, bộ máy của các thiết bị và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình.

- Không xả nước thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

1.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

1.6.1. Trong giai đoạn thi công:

- Sự cố cháy nổ: Ban hành quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn. Trang bị 2 bình bột cứu hỏa loại 4kg tại khu vực lán trại tạm trên công trường để phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ khi thi công.

- Sự cố lún, nứt, hư hỏng công trình: Chủ dự án khảo sát, kiểm tra các công trình có nguy cơ ảnh hưởng bởi dự án trước khi thi công. Có biện pháp thi công, vận chuyển phù hợp với hiện trạng các công trình.

- Sự cố ngộ độc thực phẩm: Lựa chọn và sử dụng các thực phẩm đảm bảo chất lượng, chế biến đúng cách. Không sử dụng thực phẩm để lâu, hư hỏng để phòng ngừa ngộ độc thực phẩm.

- Sự cố ngập úng khu vực xung quanh: Thi công đúng tiến độ, đúng thiết kế xây dựng. Tránh làm rơi vãi các loại chất thải xuống hệ thống thoát nước làm tắc đường ống thoát nước của khu vực thực hiện dự án và khu vực xung quanh dự án.

- Sự cố tai nạn lao động: Trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân và lập quy tắc an toàn lao động

- Sự cố tai nạn lao động: Trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân và lập quy tắc an toàn lao động. Sử dụng lưới bảo hộ để phòng tránh tai nạn lao động và bụi trong hoạt động xây dựng tại các tầng cao.

- Thực hiện nghiêm các quy định phòng dịch khi có bệnh dịch phát sinh, phối hợp với chính quyền địa phương, các đơn vị chức năng trong công tác phòng chống dịch bệnh.

1.6.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Đối với Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 80 m³/ngày đêm:

+ Vận hành Hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống phải được tập huấn và thao tác đúng cách khi có sự cố phát sinh và luôn có mặt tại vị trí vận hành;

+ Các máy móc, thiết bị phải được kiểm tra theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật, đặc biệt là các thiết bị điện;

+ Tiến hành bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa khi có hỏng hóc.

- Đối với khu vực lưu giữ chất thải: Trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại

- Đối với hệ thống thoát nước mưa chảy tràn:

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo trì hệ thống thoát nước. Khi xảy ra sự cố như: ách tắc, vỡ... tiến hành nạo vét, sửa chữa ngay trong thời gian nhanh nhất.

+ Thường xuyên kiểm tra nạo vét không để bùn đất, rác vào đường thoát nước chung của khu vực.

+ Tổ chức vệ sinh hệ thống cống rãnh, không để bùn đất, rác thải vào cống thoát nước chung khu vực.

- Đối với hạ tầng kỹ thuật cấp điện: Xây dựng hoàn thiện hạ tầng cấp điện bao gồm đường dây, trạm biến áp theo đúng thiết kế. Lắp đặt đầy đủ thiết bị chống sét, nối đất,... cho trạm biến áp. Sử dụng đường dây đảm bảo chất lượng theo đúng thiết kế được phê duyệt. Điện Lực Thanh Hóa quản lý hạ tầng kỹ thuật điện trong suốt thời gian vận hành dự án.

1.7. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

1.7.1. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn vận hành thử nghiệm:

- Dự án có 01 công trình xử lý chất thải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 80 m³/ngày.đêm.

- Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng.

a) Giám sát nước thải:

- Vị trí giám sát: Nước thải đầu ra (tại ngăn khử trùng) của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Thông số giám sát: pH; BOD₅ (20°C); Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng chất rắn hòa tan; Sunfua (tính theo H₂S); Amoni (tính theo N); Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N); Dầu mỡ động, thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P); Tổng Coliforms.

- Tần suất, số lượng mẫu: Theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K = 1).

1.7.2. Chương trình giám sát môi trường giai đoạn vận hành:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ.

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường khác:

2.1. Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022, Định kỳ chuyên giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Kiểm soát thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K =1); khuyến khích tái sử dụng nước thải sau xử lý nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

2.4. Kiểm soát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

2.5. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường./.